TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HSST
Ngày 14/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Thọ và ông Hà Văn Nam.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Văn Côn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Trần Minh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1984;
Nơi ĐKNKTT: Khu 6, xã TN, huyện TN, tỉnh Phú Thọ;
Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1938;
Con bà: Hoàng Thị Đ, sinh năm 1950;
Vợ, con: Chưa có.
Tiền án; Tiền sự: Không;
Bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Những người bị hại:

1-Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1962;

Nơi ĐKNKTT: Xóm Đ1, xã MT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ
2-Anh Đào Văn L, sinh năm 1976;

Nơi ĐKNKTT: Xóm TT, xã MĐ, huyện TS, tỉnh Phú Thọ
3-Anh Đinh Văn C, sinh năm 1985;

Nơi ĐKNKTT: Xóm TA, xã TN, huyện TS, tỉnh Phú Thọ
(Những người bị hại đều có mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975.

Nơi ĐKNKTT: Xóm TT, xã MĐ, huyện TS, tỉnh Phú Thọ;

2-Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1976.

Nơi ĐKNKTT: Xóm Chung, xã MT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ;

3-Bà Trần Thị C, sinh năm 1933.

Nơi ĐKNKTT: Khu Suối Bòng, xã XĐ, huyện TS, tỉnh Phú Thọ;

4-Anh Bùi Văn N, sinh năm 1991.

Nơi ĐKNKTT: Xóm Đ2, xã MT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ;

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 7 giờ ngày 01/4/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát:19N1-100.57 của T từ nhà ở mình đi huyện TS với mục đính trộm cắp trâu bò. Khi đến xã MT,T nói với anh Hoàng Văn M ở xóm Chung, xã MT cho gửi xe để lên đồi đi đánh bẫy chim. Sau đó, T đi bộ lên khu vực đồi Đám Thú thuộc khu Đ1, xã MT, để tìm trâu bò trộm cắp. Khi lên đến lưng chừng đồi, T nhìn thấy 01 con trâu cái khoảng 5 tuổi lông màu đen, cuốn dây trên sừng, đeo mõ bằng tre của ông Hoàng Văn N ở xã MT, đang thả rong trên đồi không có người trông coi. T đi đến vị trí con trâu, dùng tay tháo dây cuốn trên sừng trâu rồi dắt con trâu trên đi dọc đỉnh đồi theo hướng về huyện Thanh Sơn để tránh bị người dân phát hiện, khi T dắt con trâu này đi thì một con trâu cái con khoảng 8 tháng tuổi cũng đi theo, T biết đó là con của con trâu mình đang trộm cắp nên đã đuổi đi cùng. Khi ra đến xóm Cú, xã MT, T dắt trâu xuống đi theo hướng từ xóm Cú đi xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn, đến xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn, T gọi điện cho anh Nguyễn Văn K ở khu 5, xã HH, huyện LT, tỉnh Phú Thọ để thuê K dùng xe lôi đến kéo hai con trâu về. Khi xe của anh K đến, T và K cho trâu lên xe lôi và kéo 02 con trâu về huyện TN. T trả tiền công chở trâu cho anh K rồi dắt trâu buộc tại rừng cây thuộc xã CT, huyện TN, tỉnh Phú Thọ, sau đó đi nhờ xe quay lại xã MT, huyện TS để lấy xe mô tô của mình. Khi lấy được xe quay về đến huyện TN, lúc này đã khoảng 20 giờ nên T đi thẳng về nhà. Đến sáng hôm sau, T đi ra vị trí buộc trâu, do con trâu nhỏ không sấn sẹo T không buộc được nên đã đi mất, chỉ còn lại con trâu mẹ. T đứng ở đường để tìm người bán trâu thì gặp một người đàn ông không quen biết kéo xe lôi đi qua, sau khi trao đổi giá T nhất trí bán cho người này con trâu cái nêu trên với số tiền là 7.500.000đ, số tiền này T đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-ĐGTS ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện TS trị giá 21.800.000đ, con trâu con có trị giá 13.200.000đ. Tổng trị giá 02 con trâu nhà anh L là 35.000.000đ.

Vụ thứ 2: Khoảng 8 giờ ngày 11/6/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 19N1-100.57, đi từ nhà ở T lên huyện TS với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến dốc Hang Gió, xã XĐ, T gửi xe ở nhà bà Trần Thị C ở xóm SB, xã XĐ. Sau đó, T đi bộ lên đồi Hang Gió nơi người dân hay thả bò, T nhìn thấy có 01 con bò cái khoảng 4 tuổi cổ có mõ bằng kim loại, dây đeo mõ bằng dây thừng, mũi đã sấn sẹo và có dây

thắt ở vị trí sấn sẹo của gia đình anh Đào Văn L ở xã MĐ, huyện TS đang ăn cùng những con bò khác không có người trông coi. T dùng tay cầm vào dây buộc mõ của con bò trên, tháo vứt bỏ mõ và lấy dây buộc mõ trên buộc vào khuy ở mũi bò rồi dắt con bò trên đi xuống đường nhựa. T dắt con bò đi men theo bờ suối với mục đích tránh sự phát hiện của người dân. Khi đến vị trí gần khu TT, xã MĐ, T dắt bò lên đường nhựa đi hướng ngã ba MĐ, rồi đi theo hướng xã Võ Miếu của huyện Thanh Sơn với mục đích nếu gặp ai mua thì T sẽ bán con bò trên. Đi được khoảng 1 tiếng đồng hồ thì T gặp một người kéo xe lôi chở bò đi qua đường, người này có hỏi T bán bò không, T nói bán và nói giá 8.000.000đ; người này không nói gì chở bò đi tiếp. Khoảng 30 phút sau người này quay lại, sau khi mặc cả T đồng ý bán cho người kéo xe lôi con bò trộm cắp trên với giá 4.400.000đ, rồi T đi nhờ xe người dân lên nơi gửi xe, T lấy xe của mình và đi về nhà, số tiền bán bò được T đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-ĐGTS ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện TS trị giá con bò nhà anh L là 17.000.000đ.

Vụ thứ 3: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 29/11/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 19N1-100.57 từ nhà mình lên địa bàn huyện TS với mục đích trộm cắp tài sản. Khi lên đến địa bàn xã MT, huyện TS, T gửi xe ở nhà anh Bùi Văn N ở xóm Đ2, xã MT sau đó đi bộ lên đồi Đám Thú đối diện Ủy ban nhân dân xã MT tìm trâu bò để trộm cắp.T gặp người dân đang thả trâu lên đồi, chờ cho người dân đi về T đến vị trí đàn trâu đang chăn thả rồi bắt 01 con trâu cái màu đen khoảng 4 tuổi, đeo mõ bằng sắt, mũi sấn sẹo có buộc dây và cuốn dây trên sừng của gia đình anh Đinh Văn C ở xã TN, huyện TS. T tháo dây cuốn trên sừng rồi dắt con trâu trên đi trên đồi theo hướng huyện Thanh Sơn. Khi nhìn thấy có đường từ xóm C ra Quốc lộ 32, T dắt trâu xuống đường rồi gọi điện cho Nguyễn Văn K ở xã HH, huyện LT, để thuê K dùng xe lôi vào kéo trâu nhưng K bận việc không đi. Khi T dắt trâu ra đến nhà văn hóa xóm C thì bị người dân nghi ngờ giữ lại cùng con trâu trộm cắp trên rồi bàn giao cho công an xã MT giải quyết. Công an xã MT đã báo cáo Công an huyện TS để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-ĐGTS ngày 30/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện TS trị giá con trâu nhà anh C là 18.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSTS ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo

Nguyễn Văn T từ 36 tháng đến 42 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 584, 589, 357,468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường tiền cho những người bị hại: Anh Hoàng Văn N 35.000.000đ và anh Đào Văn L 17.000.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe Mô tô BKS: 19N1-100.57 thu giữ của bị cáoT.

Đối với Nguyễn Văn K là người được bị cáo T thuê trở trâu, bản thân K không biết trâu do T trộm cắp mà có, nên không có căn để xử lý.

Đối với người đàn ông kéo xe lôi mua bò của T, việc mua bán diễn ra trên đường, T không biết tên, tuổi địa chỉ người này ở đâu nên Cơ quan điều không có căn cứ điều tra, xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Ch và anh Bùi Văn N đã cho T gửi xe nhưng không biết T gửi xe đề đi trộm cắp, nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, anh Đinh Văn C khai nhận Công an xã MT đã trả lại 01 con trâu cái màu đen khoảng 4 tuổi, nay không yêu cầu gì thêm, về hình phạt đề nghị xử lý bị cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn N yêu cầu bị cáo T phải bồi thường 01 con trâu cái khoảng 5 tuổi và 01 con trâu con 8 tháng tuổi trị giá 35.000.000đ và anh Đào Văn L yêu cầu bị cáo T phải bồi thường 01 con bò cái khoảng 4 tuổi trị giá 17.000.000đ, về hình phạt anh N; anh L đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Hoàng Văn N và anh Đào Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tố tụng của Điều tra viên như: Quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt tạm giam đều có Quyết định phê chuẩn Viện kiểm sát cùng cấp và trong hạn luật định. Khi bị can bị bắt tạm giam Cơ quan Điều tra có thông báo về việc bắt bị can để tạm giam và được gửi đến chính quyền địa phương và gia đình bị can theo quy đinh.

[2] Về hoạt động tố tụng của Kiểm sát viên: Sau khi khởi tố bị can đã có Quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia kiểm sát vụ án và đã ra các quyết định tố tụng theo đúng quy định.

[3] Quá trình tố tụng điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đó là: Lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu, bị cáo T đã thực hiện 03 vụ trộm tài sản của gia đình anh Đinh Văn C ở xã TN, huyện TS 01 con trâu cái khoảng 4 tuổi trị giá 18.000.000đ, anh Hoàng Văn N ở xã MT, huyện TS 01 con trâu cái khoảng 5 tuổi; 01 con trâu con 8 tháng tuổi tổng trị giá 35.000.000đ và 01 con bò cái khoảng 4 tuổi của anh Đào Văn L ở xã MĐ, huyện TS trị giá 17.000.000đ.

[5] Về lời nhận tội của bị cáo: Là phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] So sánh Điều, Khoản tương ứng của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 như sau: Theo khoản 4 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt đến "chung thân". Theo khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt đến " 20 năm tù". Nhưng do mức hình phạt của khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 so với khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tối thiểu và tối đa bằng nhau. Do đó, cần áp dụng điểm b khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điều, khoản có lợi cho người phạm tội làm căn cứ để quyết định hình sự đối với bị cáo là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[6] Về nhân thân bị cáo là xấu: Trước lần phạm tội này năm 2008 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong trở về địa phường ngày 25/02/2014. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ hai bản án và đã được xóa án tích.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và Bố bị cáo là người có công với Cách mạng được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xong xét thấy bị cáo có nhân thân xấu nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tù nghiêm theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 02/12/2017 thể hiện bị cáo sống phụ thuộc bố mẹ, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 02 con trâu của gia đình anh Hoàng Văn N trị giá 35.000.000đ và 01 con bò của gia đình anh Đào Văn L trị giá 17.000.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh N và anh L, nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp.

Đối với tài sản đã trả cho chủ sở hữu là 01 con trâu cái màu đen khoảng 4 tuổi, ngày 29/11/2017 Công an xã MT, huyện TS đã trả lại cho ông Đinh Văn C cần xác nhận.

[9] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn K là người được bị cáo T thuê trở trâu, bản thân K không biết trâu do T trộm cắp; 02 người đàn ông kéo xe lôi mua trâu và bò của T, T không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu nên không có căn cứ để xử lý với K và hai người đàn ông nêu trên.

Đối với anh Nguyễn Văn M, bà Trần Thị C và anh Bùi Văn N là người cho T gửi xe mô tô nhưng không biết T đi trộm cắp, nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Biển số: 19N1-100.57 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T được bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáoNguyễn Văn T phạm vào tội "Trộm cắp tài sản".

1- **Về hình phạt**: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01 tháng 12 năm 2017. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn T.

2- **Về trách nhiệm dân sự**: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 584, 589, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường tài sản bị mất với tổng số tiền là 52.000.000đ (năm mươi hai triệu) cho anh Hoàng Văn N và anh Hoàng Văn L như sau:

- Anh Hoàng Văn N 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng);
- Anh Đào Văn L 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng);

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành chưa thanh toán đủ số tiền phải trả thì phải chịu lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3- **Về xử lý vật chứng**: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe Mô tô nhãn hiệu HONDA-Wave màu xanh đen BKS: 19N1-100.57 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T. Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Phú Thọ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 02 năm 2018.

4- **Về án phí**: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trong Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TS;
- Công an huyện huyện TS;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã TN, TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí